

TRUNG TÂM Y TẾ KHU VỰC THUẬN AN
KHOA DƯỢC

Họ và tên: Trịnh Thị Tâm.

Bài dự thi: Cuộc thi cuộc thi viết “Độc để Khám phá, Viết để Lan tỏa”.

Gần 40 năm cuộc đời, với những từng trải, va chạm, những ngọt bùi đắng cay đủ đầy, đôi khi tôi vẫn cố gắng tìm cho mình một khoảng lặng – một “góc riêng” để soi chiếu lại tâm hồn. Không còn những cảm xúc rạo rực như thuở mười tám đôi mươi cấp sách tới trường, nhưng thật lạ, khi cầm trên tay cuốn "Nhật ký trong tù" của Chủ tịch Hồ Chí Minh, trong tôi lại ứa về những xúc cảm xưa cũ – cái cảm giác lần đầu đọc những bài thơ ngắn trong sách giáo khoa, vừa ngỡ ngàng, vừa thâm thía.



Tác phẩm được viết từ tháng 8 năm 1942 đến tháng 9 năm 1943, trong hoàn cảnh Người bị chính quyền Tưởng Giới Thạch bắt giam khi sang Trung Quốc vận động sự ủng hộ quốc tế cho cách mạng Việt Nam. Dù trải qua 13 tháng tù đầy gian khổ, Người vẫn giữ tinh thần lạc quan, mạnh mẽ và viết nên những vần thơ bất hủ, sau này được tập hợp thành “Nhật ký trong tù”.

Cuốn sách gồm 134 bài thơ Đường luật viết bằng chữ Hán, không đi theo hình thức nhật ký thông thường mà là sự kết tinh của cảm xúc, tư tưởng, lý tưởng cách mạng và tâm hồn thi sĩ trong hoàn cảnh ngục tù. Ngay trong bài đầu tiên, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã khẳng định một cách đầy mạnh mẽ:

*“Thân thể tại ngục trung,
Tinh thần tại ngục ngoại;
Dục thành đại sự nghiệp,*

Tinh thần cánh yếu đại”

Dịch thơ :

“ Thân thể ở trong lao,
Tinh thần ở ngoài lao;
Muốn nên sự nghiệp lớn,
Tinh thần càng phải cao.”

(Trích Bài 1 Nam Trân dịch)

Ở tuổi ngoài “ngũ thập”, Người vẫn giữ một tinh thần lạc quan, tự tại, thậm chí dí dỏm, đậm chất triết lý sống phương Đông. Khổng Tử từng nói: *"Ngũ thập tri thiên mệnh"* – năm mươi tuổi là lúc con người hiểu rõ đạo trời, thấu suốt lẽ đời. Và Hồ Chí Minh, dù trong hoàn cảnh tù đầy, vẫn cho thấy một ý chí vững vàng, một tinh thần không khuất phục.

Người từng viết một cách rất mộc mạc, chân thành:

*“Lão phu nguyên bất ái ngâm thi,
Nhân vị tù trung vô sở vi;
Liêu tá ngâm thi tiêu vĩnh nhật,
Thả ngâm thả đãi tự do thì.”*

Dịch thơ :

“Ngâm thơ ta vốn không ham,
Nhưng vì trong ngục biết làm chi đây;
Ngày dài ngâm ngợi cho khuây,
Vừa ngâm vừa đợi đến ngày tự do.”

Thơ đến với Người không phải để làm đẹp, làm sang, mà là liều thuốc tinh thần, là cách để duy trì sự sống, để giữ cho ngọn lửa ý chí luôn bùng cháy. Người "đợi" không phải trong tuyệt vọng mà là "đợi" trong hy vọng, trong hành động, một sự chủ động về tinh thần khiến người đọc hôm nay không khỏi xúc động và kính phục.

Một trong những bài thơ để lại ấn tượng sâu đậm trong tôi là bài “Ngắm trăng” (Vọng nguyệt) – bài số 20 trong tập thơ:

*“Ngục trung vô tửu, diệc vô hoa,
Đối thử lương tiêu, nại nhược hà?
Nhân hướng song tiền khán minh nguyệt,
Nguyệt tòng song khích khán thi gia.”*

Dịch thơ :

“Trong tù không rượu cũng không hoa
Cảnh đẹp đêm nay khó hững hờ.

Người ngắm trăng soi ngoài cửa sổ,
Trăng nhòm khe cửa ngắm nhà thơ”

Giữa cảnh thiếu thốn trong ngục, Người vẫn "không thể làm ngơ" trước ánh trăng đẹp. Câu thơ “biết làm sao đây?” không phải là than thở mà là sự bối rối dễ thương của một tâm hồn thi sĩ, đang rung động trước thiên nhiên. Trăng và người như hòa làm một, chia sẻ nỗi niềm, tạo nên một sự đồng điệu sâu sắc giữa thiên nhiên – con người – tâm hồn tự do.

Tôi tin, nếu ai từng học Ngữ văn lớp 8 hẳn sẽ còn nhớ bài thơ “Đi đường” (Tẩu lộ):

*“Tẩu lộ tài tri tẩu lộ nan
Trùng san chi ngoại hựu trùng san
Trùng san đẳng đảo cao phong hậu
Vạn lý dư đồ cố miện gian.”*

Dịch thơ :

“Đi đường mới biết gian lao,
Núi cao rồi lại núi cao trập trùng,
Núi cao lên đến tận cùng,
Thu vào tầm mắt muôn trùng nước non,”

Không chỉ là con đường tù đầy Người đang phải đi qua mỗi ngày, mà là con đường cách mạng, con đường đời đầy gian lao thử thách. Nhưng chỉ khi vượt qua tất cả, lên được tới “cao phong”, ta mới thấy được bức tranh rộng lớn của non sông. Cũng như trong cuộc sống, không có con đường nào trải đầy hoa hồng, chỉ có ý chí, nghị lực mới đưa ta tới thành công, tới tự do đích thực.

Một bài thơ khác làm tôi nhớ là bài số 31 – “Chiều tối” (Mộ):

*“Quyện điểu quy lâm tầm túc thụ,
Cô vân mạn mạn độ thiên không
Sơn thôn thiếu nữ ma bao túc,
Bao túc ma hoàn, lô dĩ hồng.”*

Dịch thơ:

“Chim mỏi về rừng tìm chốn ngủ,
Chòm mây trôi nhẹ giữa tầng không
Cô em xóm núi xay ngô tối,
Xay hết, lò than đã rực hồng.”

Một bức tranh thiên nhiên hiện ra giữa núi rừng hoang vu, yên ả. Chim mỏi, mây lững lờ trôi – gợi buồn, gợi cô đơn. Nhưng kết thúc bài thơ lại là hình ảnh đời thường, ấm áp của cô gái xay ngô với bếp lửa hồng – ánh sáng của sự sống, của niềm tin. Có lẽ, trong mắt một người cách mạng, cái đẹp và hy vọng luôn hiện hữu – cho dù là trong ngục tù hay trong cuộc sống đầy thử thách.

“Nhật ký trong tù” không chỉ là tập thơ, mà là một bản hùng ca về ý chí, nghị lực, lòng yêu nước, lòng tin vào con người và tương lai tươi sáng. Với tôi – một người đang làm việc trong môi trường Nhà nước, tác phẩm chính là ngọn lửa sưởi ấm tinh thần, là kim chỉ nam để tôi rèn luyện bản thân, giữ vững đạo đức nghề nghiệp, vượt qua mọi thử thách trong công việc và cuộc sống.

Đây là một cuốn sách mà mỗi gia đình Việt nên có trong tủ sách, không chỉ để giữ gìn văn hóa đọc, mà còn để truyền lửa yêu nước, truyền cảm hứng sống tử tế, sống có lý tưởng cho thế hệ mai sau.